

"BÍ ẨN" CỦA TRƯỜNG PHÁI KINH TẾ HỌC CHICAGO

TRẦN TRUNG PHƯƠNG

Số với giải thưởng Nobel ở các lĩnh vực sinh, hóa, lý... đã có cách đây gần một thế kỷ (bắt đầu từ năm 1901), giải thưởng Nobel về kinh tế học chỉ mới xuất hiện thời gian gần đây (bắt đầu từ năm 1969 với hai nhà kinh tế học đoạt giải đầu tiên là Ragnar Frisch (Na Uy) và Jan Tinbergen (Hà Lan)). Hầu như tất cả các tác giả trúng giải đều là những người châu Âu và Mỹ (xem bảng danh sách), trong số đó, chỉ tính riêng nước Mỹ, đã có tới 21 tác giả đoạt được giải thưởng cao quý này.

thập niên 90 này mới thực sự là những năm vinh quang nhất đối với trường phái kinh tế học nổi tiếng này, mặc dù khi trao giải thưởng cho các nhà khoa học, Viện hàn lâm Thụy Điển tuyên bố rằng họ chỉ trao giải cho các nhà khoa học với tư cách là những cá nhân, có những đóng góp và sáng tạo khoa học quan trọng chứ không phải là trao giải và tôn vinh cho cả một trường phái, dù trường phái đó là nơi "lập ngôn" và "lập nghiệp" của các nhà khoa học được giải thưởng.

Vì sao trường phái Chicago lại có thể sản sinh ra nhiều nhà kinh tế học

có thể đạt đến một độ chính xác gần giống như các khoa học về vật chất. Thứ hai, họ tin rằng lý thuyết giá cả tân cổ điển có thể cung cấp một sự giải thích chính xác về sự vận hành của bộ máy kinh tế. Thứ ba, họ cùng chia sẻ quan điểm cho rằng thị trường cạnh tranh, tự do là một giải pháp tốt nhất để giải quyết vấn đề phân phối tài nguyên. Sau cùng, những nhà kinh tế học Chicago cũng là những người ủng hộ học thuyết duy tiền tệ (monetarism), một thuật ngữ do nhà kinh tế học Karl Brunner đưa ra từ năm 1968, theo đó, sự rối loạn trong lãnh vực tiền tệ thường là nguyên nhân chính của sự bất ổn kinh tế, và nhà nước có thể kiểm soát nền kinh tế, đặc biệt là hiện tượng lạm phát, bằng cách kiểm soát khối cung tiền tệ và khối lượng tín dụng ngân hàng...

Ngày nay, sự nổi tiếng và "vinh quang" của các nhà kinh tế học Chicago hiện đại (tính từ 1970 trở về sau) vẫn không làm người ta quên đi những nhà kinh tế học tiền phong của trường phái trong những năm trước thập niên 70 như Wesley Mitchell, John Maurice Clark, Charles Hardy, Paul Douglas, Jacob Viner, Henri Schultz, Frank Knight, Henry Simons... Đặc biệt không thể không nói tới vai trò sáng lập trường phái của James Laurence Laughlin, vị khoa trưởng đầu tiên của Khoa kinh tế học trường đại học Chicago đồng thời cũng là một trong những nhà kinh tế học thuộc loại bảo thủ nhất của nước Mỹ. Laughlin chính là một nhà duy tiền tệ chính thống, là người kịch liệt chống lại chủ trương tự do lưu thông tiền tệ do những nhà kinh tế học thuộc trường phái Keynes ủng hộ. Mặc dù tên tuổi của ông hiện nay không còn được ai nhắc đến nữa nhưng ông cùng với những nhà khoa học kinh tế thuộc thế hệ trước của trường phái Chicago chính là những người đã góp phần quan trọng trong việc kiến tạo những nền tảng lý thuyết khoa học ban đầu để trên cơ sở đó, những nhà kinh tế học thuộc thế hệ sau, những người được quần

Danh sách các tác giả đoạt giải Nobel kinh tế học (bắt đầu từ 1969)

1969	R.Frisch (Na Uy) và J.Tinbergen (Hà Lan)	1981	J.Tobin (Mỹ)
1970	P.Samuelson (Mỹ)	1982	G.Stigler (Mỹ)
1971	S.Kuznets (Mỹ)	1983	G.Debreu (Mỹ)
1972	K.Arrow (Mỹ) và Sir John Hicks (Anh)	1984	Sir Richard Stone (Anh)
1973	W.Leontief (Mỹ)	1985	F.Modigliani (Mỹ)
1974	G.Myrdal (Thụy Điển) và F.von Hayek (Áo)	1986	J.Buchanan (Mỹ)
1975	L.Kantorovich (Nga) và T.Koopmans (Hà Lan)	1987	R.Solow (Mỹ)
1976	M.Friedman (Mỹ)	1988	M.Allais (Pháp)
1977	J.E.Meade (Anh) và B.Ohlin (Thụy Điển)	1989	Tr.Haavelmo (Na Uy)
1978	H.Simon (Mỹ)	1990	M.H.Miller, Harry Markovitch và W.Sharpe (Mỹ)
1979	Th. Schultz (Mỹ) và Sir A.Lewis (Anh)	1991	Ronald H.Croase (Mỹ)
1980	L.Klein (Mỹ)	1992	Gary S.Becker (Mỹ)
		1993	Robert W.Fogel (Mỹ)
		1994	John Hasanyi (Mỹ) và John Nash (Mỹ) và Reinhard Selten (Đức)
		1995	Robert F.Lucas Jr (Mỹ)

Trong số các tác giả Mỹ đoạt giải Nobel kinh tế học, nổi bật nhất là các nhà kinh tế học của trường Đại học Chicago (bang Illinois), nơi có truyền thống và một bề dày nghiên cứu khoa học kinh tế thuộc vào loại nhất nhì của nước Mỹ. Không phải ngẫu nhiên mà, nếu chỉ tính riêng trong 6 năm gần đây nhất, từ 1990 đến 1995, đã có tới 5 nhà kinh tế học thuộc trường phái Chicago được nhận lãnh giải thưởng có uy tín quốc tế lớn nhất này. Truyền thống Nobel của trường phái Chicago, thực ra đã bắt đầu từ những năm 60 - 70, nhưng chính nửa đầu

doạt giải Nobel đến như vậy?

Lâu nay, trong lịch sử kinh tế học, khi nói đến "trường phái Chicago" (Chicago School), người ta thường nghĩ đó là cái tên gọi chung cho một số các nhà kinh tế học cùng có chung một quan điểm đối với một số vấn đề cơ bản của kinh tế học (trong số những người này có khá nhiều người đã hoặc đang làm việc ở trường đại học Chicago như Friedman, Knight, Schultz, Stigler...). Vấn đề thứ nhất mà họ cùng chia sẻ và tán thành quan điểm là kinh tế học, với tư cách là một bộ môn khoa học,

chúng biết đến nhiều hơn, tiếp tục phát triển và sáng tạo. Đó chính là những người đã liên tiếp "phân công" cho nhau lãnh giải Nobel từ 1970 cho đến nay, như Paul Samuelson, Milton Friedman, George J. Stigler, James Buchanan, Robert Fogel và gần đây nhất là Robert Lucas.

Như vậy, nếu tính từ năm 1910 cho đến nay, với các nhà khoa học và các giáo sư kinh tế học thuộc nhiều thế hệ khác nhau, trường phái Chicago đã có một truyền thống và một bề dày nghiên cứu khoa học lên đến gần một thế kỷ và đã có những cống hiến quan trọng cho sự phát triển của khoa kinh tế học nói chung. Không thể nói tới khoa kinh tế học hiện đại mà không nhắc đến những nhà kinh tế học của trường phái này hoặc những người chịu ảnh hưởng từ nó.

Một trong những đặc trưng quan trọng nhất có thể dễ dàng nhận thấy từ trường phái này, đó là sự phủ nhận triệt để mọi hình thức giáo điều, dù đó là những "giáo điều" của khoa học. Trường phái Chicago luôn luôn chủ trương mở rộng cho sự dung nạp các ý kiến và các quan điểm khoa học khác nhau. Nó chính là một thứ "không gian tranh luận thường xuyên" (un espace de débats permanents), nơi mà những ý kiến, quan niệm khác biệt thường được đưa ra và xét lẫn nhau (như hai quan điểm đối chọi nhau của Laughlin và P. Douglas về lý thuyết tiền lương, của Knight và Viner về vấn đề thương mại quốc tế...). Những người không có cùng một quan điểm và tinh thần với trường phái, như các nhà khoa học H.A. Millis, S. Leland, J. u. Nef... cũng đều có thể được chấp nhận. Thậm chí, cả những người có quan điểm hoàn toàn đối nghịch với trường phái, như quan

điểm của Oskar Lange, một nhà kinh tế học Ba Lan tự xưng là theo đường lối xã hội chủ nghĩa, cũng được mời tham gia cộng tác với trường phái (Oskar Lange đã từng dạy học ở nhiều trường đại học Mỹ, trong đó có đại học Chicago).

Chính cái không khí kích thích sáng tạo và thường xuyên cọ sát tư duy này đã làm cho trường phái Chicago trở thành một nơi thu hút rất mạnh các nhà khoa học đến từ nhiều nguồn gốc khác nhau. Mật độ tri thức và nghiên cứu ở đây rất dày đặc và đối với các nhà khoa học của trường phái này, khoa kinh tế học không thể bị "đóng băng" trong khuôn khổ của một thứ khoa học có tính chất hàn lâm và khép kín mà phải luôn luôn được tạo sinh khí bằng một tinh thần nghiên cứu thực chứng, luôn hướng về thực tế đầy phức tạp của đời sống kinh tế. Tham vọng của trường phái



Chicago là muốn xây dựng kinh tế học thành một ngành khoa học thực chứng mà ở trong đó các tri thức khoa học phải thật sự là những tri thức tinh xác chứ không phải là những phán đoán giá trị có tính chất chủ quan. Những nhà tư tưởng của trường phái này ý thức được rằng giữa thế giới tri thức của khoa học và thế giới tác vụ của thực tiễn bao giờ cũng có một khoảng cách khá xa và nhiệm vụ của nhà khoa học là thiết lập một chiếc cầu nối liền hai "thế giới" này để nhờ đó mà tính yêu của nhà khoa học đối với vẻ đẹp và sự chân xác của các lý thuyết nghiên cứu thuần túy sẽ được chuyển thành sức mạnh cải tạo thực tiễn. Để đạt được mục tiêu như vậy, trước hết, các nhà nghiên cứu phải thật sự là những người đầy đam mê chân lý khoa học, và đầu óc phải đi ngược lại với truyền thống và những tín điều khoa học sẵn có, họ cũng phải sẵn sàng với một tinh thần cách tân và sáng tạo không ngừng. Đó chính là một thái độ tinh thần có tính chất cơ bản nhất của trường phái Chicago, đúng như phát biểu của Milton Friedman, một nhà khoa học tiêu biểu nhất của trường phái này: "chúng tôi là những nhà kinh tế học và ước muốn của chúng tôi là đẩy lùi càng xa càng tốt những ranh giới của khoa học kinh tế, bởi vì điều mà chúng tôi mong mỏi là, với cái công cụ khoa học này, chúng tôi có thể giải thích, trong một mức độ lớn nhất, những sự kiện của đời sống thực tiễn. Nói như vậy cũng có nghĩa là chúng tôi ý thức được rằng không dễ dàng gì có thể giải thích được tất cả bằng sự hiểu biết và tri thức của chúng tôi. Nhưng cũng không có gì có thể ngăn chặn chúng tôi tiến mãi không ngừng trên con đường vô tận của tri thức"■

SÁCH BÁO MỚI

NEW, YOUR ENGLISH COMPANION

Loại học báo Anh ngữ do NXB Quảng Nam - Đà Nẵng xuất bản hàng tháng, đã ra được đến số 4. Gồm nhiều bài viết đối chiếu Anh - Việt, kèm theo chú thích từ ngữ dưới mỗi bài, giúp các bạn học sinh, sinh viên và người tự học vừa học thêm Anh ngữ với trình độ nâng cao, vừa trau dồi kiến thức về văn hóa và khoa học.

TỪ ĐIỂN KINH TẾ - THƯƠNG MẠI ANH - VIỆT GIẢN YẾU

Của soạn giả Trần Văn Chánh, vừa do NXB trẻ ấn hành. Sách này 1000 trang, khổ 11,5 x 16cm in trên giấy trắng tốt, bìa cứng, chứa đựng khoảng 20 ngàn từ và thành ngữ liên quan đến trên 20 lãnh vực thuộc kinh tế, kinh doanh và thương mại, cùng nhiều phụ lục bổ ích khác.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ 17